

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY N**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2021/DS-PT

Ngày: 14-4-2021

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản và góp hui

**NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY N

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Hồng Vân;

Ông Phạm Văn Diệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây N tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Sinh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây N xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 238/2020/TLPT-DS ngày 27 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hui”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 61/2020/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân C, tỉnh Tây N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 257/2020/QĐ-PT ngày 12 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1980; nơi cư trú: Tổ 7, ấp Đ H, xã Tân Đ, huyện Tân C, tỉnh Tây N (vắng mặt).

Đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1984; nơi cư trú: số 76, đường Phạm Tung, khu phố 1, phường 3, thành phố Tây N, tỉnh Tây N, theo văn bản ủy quyền lập ngày 13/12/2019 (có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1977; nơi cư trú: Tổ 2, ấp Đ Tiến, xã Tân Đ, huyện Tân C, tỉnh Tây N (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Thái Văn H, sinh năm 1968; nơi cư trú: Tổ 2, ấp Đ Tiến, xã Tân Đ, huyện Tân C, tỉnh Tây N (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/12/2019, trong quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Do quen biết nên bà H có cho bà C vay tiền và chơi hụi nhiều lần, do thiếu không trả nên đến ngày 24/10/2019 hai bên tiến hành cộng sổ thì bà C thiếu bà H tổng cộng 335.600.000 đồng và có làm giấy chốt nợ, giấy thể hiện như sau:

Ngày 10/7/2015 bà H cho bà C vay số tiền 100.000.000 đồng, tiền lãi hàng tháng thỏa thuận là 4.000.000 đồng/tháng, tính T ngày 09/01/2019 (al) đến ngày 09/9/2019 là 09 tháng x 4.000.000 đồng = 36.000.000 đồng + 100.000.000 đồng = 136.000.000 đồng.

Tiền hụi T ngày 09/01/2019 đến ngày 09/9/2019, hụi 1.000.000 đồng, nên thành tiền là 90.000.000 đồng.

Tiền vay củ 105.000.000 đồng, tiền lãi hàng tháng thỏa thuận là 4.000.000 đồng, tính T ngày 31/02/2019 đến 31/9/2019 là 8 tháng x 4.000.000 đồng = 32.000.000 đồng. Tổng cộng 363.000.000 đồng.

Trong vòng 05 tháng T ngày 09/3/2019 (al) đến ngày 08/8/2019 (al) bà C có trả cho bà H được số tiền 27.400.000 đồng tiền hụi.

Nay bà H yêu cầu bà C, ông H liên đới trả số tiền 335.600.000 đồng.

Đến ngày 19/8/2020 đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Văn T thay đổi yêu cầu cụ thể như sau:

Yêu cầu bà C, ông H trả 100.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi ngày 09/01/2019 đến ngày 09/7/2020 là 18 tháng x 1,66% = 29.880.000 đồng; trả 105.000.000 đồng và tính lãi T ngày 28/02/2019 đến 28/6/2020 là 16 tháng x 1,66% = 27.888.000 đồng. Tổng cộng 205.000.000 đồng tiền vay; 57.768.000 đồng tiền lãi; 62.600.000 đồng tiền hụi.

Trong quá trình làm việc bị đơn Nguyễn Thị Kim C trình bày: Vào năm 2014 bà có vay của bà H số tiền 100.000.000 đồng, việc vay có làm giấy nhưng giấy hiện nay bà không còn giữ, việc vay có tính lãi 4.000.000 đồng/tháng và bà đã đóng lãi đầy đủ đến tháng 01 năm 2019 thì ngưng, mỗi lần đóng lãi không làm không làm giấy tờ và cũng không ai biết. Trong năm 2017 bà H có làm chủ thảo hụi 5.000.000 đồng/tháng thì bà có tham gia chơi 02 phần và bà đã hốt hụi hết 02 phần, sau khi đóng hụi chết thì bà thiếu lại 09 kỳ, mỗi kỳ 10.000.000 đồng thành tiền là 90.000.000 đồng. Riêng số tiền 105.000.000 đồng là tiền vay và tiền hụi thiếu trước đó cộng lại. Đến ngày 24/10/2019 bà có làm giấy chốt nợ với bà H. Sau đó bà có trả được cho bà H số tiền 27.400.000 đồng.

Nay bà đồng ý trả cho bà H tiền vay 100.000.000 đồng, tiền hụi 90.000.000 đồng, tiền vay 105.000.000 đồng và trừ số tiền bà đã trả 27.400.000 đồng, bà H yêu cầu tính lãi thì bà đồng ý trả lãi theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Thái Văn H: Đã được tòa án triệu tập họp lệ, nhưng ông H vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Bản án số: 61/2020/DS-ST ngày 17-9-2020 của Tòa án nH dân huyện Tân C, tỉnh Tây N, quyết định:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1,3 Điều 228; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 146, 147; Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với bà Nguyễn Thị Kim C.

- Buộc bà Nguyễn Thị Kim C có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền vay 205.000.000 đồng; tiền lãi 57.768.000 đồng; tiềnhui 62.600.000 đồng. Tổng cộng 325.368.000 (ba trăm hai mươi lăm triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn) đồng.

- Không chấp nhận việc bà Nguyễn Thị H yêu cầu ông Thái Văn H liên đới cùng bà Nguyễn Thị Kim C trả số tiền trên.

- Ghi nhận bà H không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền hui.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng khác; án phí; quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 01-10-2020 bà Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét sửa bản án sơ thẩm, theo hướng buộc vợ chồng bà C, ông H cùng có nghĩa vụ trả nợ cho bà H.

Ngày 07-10- 2020 bà Nguyễn Thị Kim C có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng tính lại lãi suất vì bà C chỉ đồng ý trả số tiền gốc và lãi suất của số tiền vay 0,83%.

Ngày 15-10- 2020 Viện kiểm sát nH dân tỉnh Tây N có Quyết định số 20/QĐKNPT-VKS-DS đối với bản án số 61/2020/DS-ST ngày 17-9-2020 của Tòa án nH dân huyện Tân C, tỉnh Tây N, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm số 61/2020/DS-ST ngày 17-9-2020 của Tòa án nH dân huyện Tân C về xác định lại tiền lãi, tính lại án phí và bổ sung ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nH dân tỉnh Tây N:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nH dân tỉnh Tây N; chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim C; không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H; sửa bản án sơ thẩm, xác định tiền và tính lại án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Kim C vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bà Nguyễn Thị H vắng mặt nhưng có ông Nguyễn Văn T đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa; ông Thái Văn H vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bà C, ông H.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, thấy rằng:

Bà H yêu cầu ông Thái Văn H liên đới cùng bà Nguyễn Thị Kim C trả số tiền 325.368.000 (ba trăm hai mươi lăm triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn) đồng, với lý do khi bà C vay tiền và chơi hụi thì bà C và ông H còn là vợ chồng (chưa ly hôn) và việc vay tiền và chơi hụi dùng vào việc sinh hoạt trong gia đình, nhưng bà H không có chứng cứ chứng minh ông H biết việc bà C vay tiền để sinh hoạt trong gia đình, đồng thời bà C cũng xác định số tiền bà vay và tham gia hụi ông H không biết, theo giấy chốt nợ ngày 24-10-2019 (bl 22) chỉ có bà C ký tên người lập giấy chốt nợ. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của bà H là có căn cứ.

[2.1] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim C, thấy rằng:

Bà C thừa nhận ngày 10-7-2015 bà có vay của bà H số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 4.000.000 đồng/1 tháng, bà đã đóng lãi hàng tháng cho H, bà đóng lãi đến ngày 09-01-2019 thì ngưng không có khả năng đóng lãi nữa, nên ngày 24-10-2019 bà H mới kêu bà ký giấy chốt nợ có ghi là tính lãi T ngày 09-01-2019 đến ngày 09-9-2019 AL; bà đồng ý trả cho bà H 100.000.000 đồng tiền gốc và yêu cầu tính lại phần lãi suất theo quy định kể T ngày vay đến khi xét xử sơ thẩm; nợ tiền hụi 90.000.000 đồng, bà đã trả được 27.400.000 đồng, số tiền hụi còn lại là 62.600.000 đồng; đối với số tiền 105.000.000 đồng, theo giấy chốt nợ ghi là nợ củ, do năm 2015 bà vay 150.000.000 đồng mỗi tháng trả lãi suất là 4.000.000 đồng, đến cuối tháng 12 năm 2018 bà trả lãi và tiền gốc cho bà H, nên còn thiếu lại 105.000.000 đồng, T tháng 12-2018 mỗi tháng bà đóng lãi cho bà H 4.000.000 đồng đến 31-02-2019 thì bà không đóng lãi được nữa, nên bà H mới ghi là nợ củ, ngày 24-10-2019 bà H kêu bà ký tên trong giấy chốt nợ tính lãi là T ngày 31-02-2019 đến ngày 31-9-2019, những lần đóng lãi và chốt nợ trước đây bà đều ký tên trong sổ do bà H giữ, nay bà C yêu cầu tính lại phần lãi suất của số tiền vay 105.000.000 đồng T tháng 12-2018 cho đến ngày 31-02-2019, bà đồng ý trả lãi suất cho bà H T tháng 12-2018 đến khi xét xử sơ theo theo lãi suất quy định; ông T đại diện theo ủy quyền của bà H trình bày các giấy nợ trước đã hủy bỏ nay chỉ có giấy chốt nợ ngày 24-10-2019 (bl 38), như vậy bà C trình bày phù hợp với giấy chốt nợ giữa bà H với bà C lập ngày 24-10-2019, nên có căn cứ chấp nhận;

[2.2] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nH dân tỉnh Tây N, đề nghị xác định lại tiền lãi, tính lại án phí và bổ sung ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, thấy rằng:

Ngày 10-7-2015 bà H khai cho bà C vay 100.000.000 đồng lãi suất thỏa thuận là 4.000.000 đồng/1 tháng; bà C đã trả lãi đến tháng 01/2019, giấy chốt nợ tính tiền lãi tiếp theo T ngày 09-01-2019 đến ngày 09-9-2019 4.000.000 đồng/1 tháng; do hợp đồng vay giữa bà H, bà C xác lập vào ngày 10-7-2015 nên áp dụng Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nH dân tối cao để quyết định về lãi và lãi suất; bà H và bà C thỏa thuận mức lãi suất vay 4%/1 tháng, tức 48%/1 năm không phù hợp với mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là lãi suất thỏa thuận không được vượt quá 20%/1 năm của khoảng tiền vay, theo quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 thì “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng”. Do đó Kháng nghị của Viện kiểm sát nH dân tỉnh Tây N là có căn cứ; đối với yêu cầu bổ sung ý kiến của ông H người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông H nhưng ông H không đến Tòa án để trình bày ý kiến; Tòa án cấp phúc thẩm đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, quyết định xét xử cho ông H nhưng ông H không đến Tòa án để trình bày ý kiến, do đó Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt ông H là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên phần nội dung vụ án Tòa cấp sơ thẩm không ghi ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là thiếu sót, Tòa án cấp phúc thẩm bổ sung cho đầy đủ.

Về thời gian yêu cầu tính lãi: Bà C yêu cầu mức lãi suất 0,83%/tháng kể T ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm; ông T đại diện theo ủy quyền của bà H yêu cầu mức tính lãi suất 1,66% kể T ngày 09-01-2019 đến ngày 09-7-2020. Xét thấy, theo giấy chốt nợ ngày 24-10-2019 không ghi thời hạn trả; do bà C đồng ý tính lãi suất T ngày vay cho đến khi xét xử sơ thẩm nên ghi nhận. Hội đồng xét xử cần xem xét tính tiền lãi buộc bị đơn phải trả trên số tiền gốc còn phải trả cho nguyên đơn, cụ thể tiền lãi/tiền gốc tính như sau:

+ Ngày 10-7-2015 vay 100.000.000 đồng đóng lãi 4.000.000 đồng/1 tháng đến ngày 09-01-2019 thì ngưng; đóng lãi được 41 tháng 29 ngày x 4.000.000 đồng = 167.857.000 đồng.

+ Lãi suất theo quy định của số tiền 100.000.000 đồng vay ngày 10-7-2015 đến khi xét xử sơ thẩm 17-9-2020 là 62 tháng 7 ngày x 1.125.000 đồng (1,125%) = 70.012.000 đồng.

- Số tiền lãi đã đóng 167.857.000 đồng - 70.012.000 đồng = dư 97.845.000 đồng.

- Số tiền gốc 100.000.000 đồng - 97.845.000 đồng = 2.155.000 đồng (1).

+ Đối với số tiền 105.000.000 đồng T tháng 12-2018 đến ngày 31-02-2019 là: 2 tháng x 4.000.000 đồng = 8.000.000 đồng.

+ Lãi suất theo quy định của số tiền 105.000.000 đồng đồng vay xác định tháng 12/2018 đến khi xét xử sơ thẩm 17-9-2020 là 21 tháng 17 ngày x 1.125.000 đồng (1,125%) = 25.475.000 đồng.

- Số tiền lãi 25.475.000 đồng - 8.000.000 đồng = 17.475.000 đồng (2).

[3] Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nH dân tỉnh Tây N sửa bản án sơ thẩm là phù hợp.

[4] T những pH tích trên xét thấy có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nH dân tỉnh Tây N; chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim C; không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H; sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nH dân huyện Tân C, tỉnh Tây N, buộc bà C có nghĩa vụ trả cho bà Mai số tiền cụ thể:

Số tiền vay 100.000.000 đồng (1) còn nợ 2.155.000 đồng + 105.000.000 đồng + tiền lãi 17.475.000 đồng (2) + 62.600.000 đồng tiền nợ hui. Tổng cộng là 187.230.000 (một tám mươi bảy triệu hai trăm ba mươi nghìn) đồng.

Đối với số tiền gốc và lãi bà H yêu cầu không có căn cứ chấp nhận là 262.768.000 đồng – 124.630.000 đồng = 138.138.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm, nên cần tính lại án phí như sau:

Bà Nguyễn Thị Kim C phải chịu: 9.361.500 đồng đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Bà Nguyễn Thị H phải chịu: 6.906.900 đồng đối với yêu cầu của số tiền gốc và số tiền lãi không được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà H kháng cáo nhưng không được chấp nhận nên phải chịu 300.000 đồng án phí theo quy định tại Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bà C kháng cáo được chấp nhận một phần, sửa án sơ thẩm nên bà C không phải chịu án phí theo quy định tại Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 146, 147; Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nH dân tỉnh Tây N; Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim C; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H;

2. Sửa bản án sơ thẩm số: 61/2020/DS-ST ngày 17-9-2020 của Tòa án nH dân huyện Tân C, tỉnh Tây N.

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi” của bà Nguyễn Thị H đối với bà Nguyễn Thị Kim C.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim C có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền vay gốc 107.155.000 đồng và 17.475.000 đồng tiền lãi, tiền nợ hụi 62.600.000 đồng. Tổng cộng là 187.230.000 (một tám mươi bảy triệu hai trăm ba mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm nếu người phải thi hành án không thi hành số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2.2 Không chấp nhận việc bà Nguyễn Thị H yêu cầu ông Thái Văn H liên đới cùng bà Nguyễn Thị Kim C trả số tiền trên. Ghi nhận bà H không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền hụi.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Kim C phải chịu: 9.361.500 (chín triệu ba trăm sáu mươi một nghìn năm trăm) đồng đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Bà Nguyễn Thị H phải chịu: 6.906.900 (sáu triệu chín trăm lẻ sáu nghìn chín trăm) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền 8.490.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà H đã nộp theo biên lai thu số 0000165, ngày 16/12/2019.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu số: 0001116 ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân C, tỉnh Tây N (do ông Nguyễn Văn T nộp thay).

Bà Nguyễn Thị Kim C không phải chịu án phí. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân C, tỉnh Tây N hoàn trả cho bà C số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà C đã nộp theo biên lai thu số: 0001158 ngày 08/10/2020.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể T ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây N;
- TANDH.Tân C;
- CCTHADSH.Tân C;
- Phòng KTNV&THA tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bình

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA